

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS. TS. TRỊNH XUÂN ĐÀN (chủ biên)
TS. ĐỖ HOÀNG DƯƠNG - ThS. ĐINH THỊ HƯƠNG
ThS. TRƯƠNG ĐỒNG TÂM - TS. NGÔ QUANG TRÚC

GIÁO TRÌNH
GIẢI PHẪU HỌC
TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

SÁCH ĐƯỢC XUẤT BẢN BỞI SỰ TÀI TRỢ CỦA DỰ ÁN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC 2

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn “Giáo trình Giải phẫu học” là tài liệu dạy/học chính cho sinh viên theo học chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2001 với 5 đơn vị học trình lý thuyết (75 tiết) và 3 đơn vị học trình thực hành (45 tiết), với 2 học phần được bố trí học vào năm học thứ nhất. Với khuôn khổ thời gian và khung chương trình trên, với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể môn học cũng chính là mục tiêu của cuốn sách này, đã được xác định là: (1) *Mô tả được những nét cơ bản về vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của các bộ phận, cơ quan, hệ cơ quan cũng như hệ thống mạch, thần kinh của cơ quan trong cơ thể người và (2) Nêu được những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp để ứng dụng các kiến thức môn học vào các môn y học khác trong thực tế lâm sàng.*

Để đạt được 2 mục tiêu trên, cuốn sách này được trình bày theo quan điểm kết hợp giữa:

- Mô tả giải phẫu định khu theo từng vùng cơ thể để mô tả chi tiết những liên quan sâu, nhằm cung cấp cho sinh viên và cán bộ Y tế có thể vận dụng vào thực hành trong lâm sàng.

- Mô tả giải phẫu đại cương và hệ thống theo từng phần cơ thể để sinh viên dễ dàng tổng hợp cũng như những gợi ý liên quan đến các môn học khác của y học và một số áp dụng thực tiễn lâm sàng cần thiết.

Sách được biên soạn theo 2 tập:

Tập 1: Đại cương về giải phẫu học các hệ xương, khớp, cơ. Giải phẫu định khu chi trên, chi dưới, (sau mỗi phần có hệ thống hóa). Giải phẫu đầu mặt cổ và giác quan.

Tập 2: Giải phẫu ngực, bụng, thần kinh (thành ngực, bụng: xương, khớp, cơ của thân mình. Các cơ quan trong lồng ngực và trong ổ bụng: phổi và hệ hô hấp, tim và hệ tuần hoàn, trung thất, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu - sinh dục và hệ thần kinh trung ương).

Đây là cuốn sách nặng về mô tả dựa trên các hình vẽ nên việc mô tả ngắn gọn nhưng đầy đủ và chính xác là rất khó. Tập thể giảng viên của bộ môn Giải phẫu học đã có nhiều cố gắng trong việc biên soạn tập bài giảng

này, cùng với việc chọn lọc tranh, sơ đồ và thiết đồ thiết yếu giúp người học dễ hiểu, dễ học và dễ nhớ. Đồng thời đưa vào những “*danh từ giải phẫu quốc tế việt hoá*” của Trịnh Văn Minh (nhà xuất bản Y học 1999) giúp cho sinh viên và cả những bác sĩ khi đọc các tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học, cũng như việc đối chiếu với tài liệu nước ngoài.

Trong khuôn khổ còn hạn hẹp về nhiều mặt cũng như kinh nghiệm còn ít ỏi, không thể tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Rất mong bạn đọc góp ý phê bình về mọi phương diện để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn và giới thiệu cùng bạn đọc.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 12 năm 2007

THAY MẶT BAN BIÊN SOẠN

PGS. TS. Trịnh Xuân Đàn

MỤC LỤC

Trang

Chương 1. Giải phẫu ngực	7
Xương thân mình	7
Hệ thống cơ thân mình	19
Ống bẹn	29
Đại cương hệ tuần hoàn	33
Tim trưởng thành	40
Phổi	50
Trung thất	57
Chương 2. Giải phẫu hệ tiêu hoá	65
Phúc mạc	65
Dạ dày	79
Lách (tỳ)	85
Khối tá tụy	89
Gan	98
Ruột non	108
Ruột già	113
Chương 3. Giải phẫu hệ niệu-dục	120
Phôi thai hệ tiết niệu sinh dục	120
Giải phẫu hệ tiết niệu	132
Thận	133
Tuyến thượng thận	145
Niệu quản	148
Bàng quang	151
Niệu đạo	157
Hệ sinh dục nam	161
Hệ sinh dục nữ	169
Đáy chậu	183

Chương 4. Giải phẫu hệ thần kinh	192
Đại cương thần kinh	192
Tuỷ sống	197
Thân não	203
Tiểu não	211
Não thất IV	214
Gián não	217
Đoạn não	222
Các dây thần kinh sọ não	232
Các đường dẫn truyền thần kinh	245
Màng não tuỷ và mạch não tuỷ	252
Hệ thần kinh thực vật	261
Tài liệu tham khảo	267

Chương 1

GIẢI PHẪU NGỰC

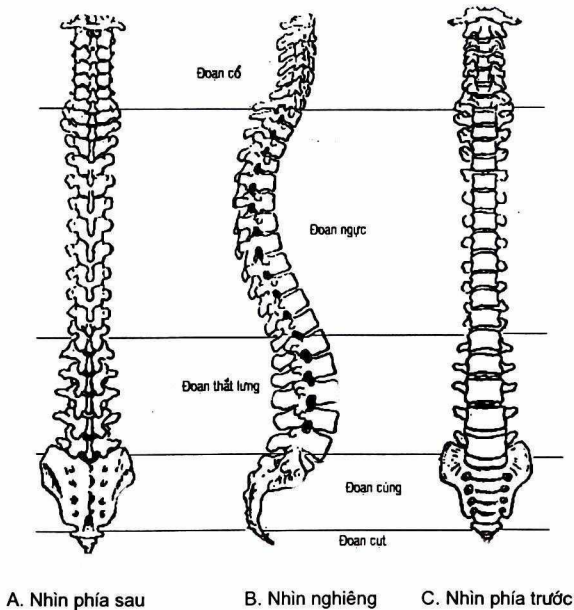
XƯƠNG THÂN MÌNH

1. Cột sống

1.1. Đại cương

Cột sống (*columna vertebralis*) là trụ cột của thân người, nằm chính giữa thành sau thân người, chạy dài từ mặt dưới xương chẩm đến hết xương cụt. Cột sống bao bọc và bảo vệ tủy sống.

Nhìn nghiêng cột sống có 4 đoạn cong, từ trên xuống dưới gồm có :đoạn cổ cong lõm ra sau ; đoạn ngực cong lõm ra trước ; đoạn thắt lưng cong lõm ra sau và đoạn cùng cụt cong lõm ra trước. Cấu trúc các đoạn cong của cột sống để thích nghi với tư thế đứng thẳng của cơ thể người.



Hình 1.1. Cột sống

Cột sống có từ 33 - 35 đốt sống xếp chồng lên nhau. 24 đốt sống trên rời nhau tạo thành 7 đốt sống cổ (*vertebrae cervicales*) ký hiệu từ C_I-C_{VII}; 12 đốt sống lưng (*vertebrae thoracicae*) ký hiệu từ Th_I-Th_{XII}; 5 đốt sống thắt lưng (*vertebrae lumbales*) ký hiệu từ L_I-L_V. 5 đốt sống dưới dính lại thành một tấm xương cùng (*os sacrum*) ký hiệu từ S_I-S_V. 4 hoặc 6 đốt cuối cùng rất nhỏ, cần cối cùng dính lại làm một tạo thành xương cụt (*os coccygeae*) ký hiệu từ Co_I-Co_{VI} và được dính vào đỉnh xương cùng.

1.2. Đặc điểm chung của các đốt sống

Mỗi đốt sống gồm 4 phần:

1.2.1. Thân đốt sống (*corpus vertebrae*)

Hình trụ, có 2 mặt (*trên, dưới*) đều lõm để tiếp khớp với đốt sống bên trên và dưới, qua đĩa sụn gian đốt.

1.2.2. Cung đốt sống (*arcus vertebrae*)

Là phần xương đi từ 2 bên rìa mặt sau thân, vòng ra phía sau, quay lấy lỗ đốt sống, chia 2 phần:

Phần trước dính vào thân gọi là cuống (*radix arcus vertebrae*), nối từ mỏm ngang vào thân. Bờ trên và bờ dưới lõm vào gọi là khuyết của đốt sống. Khuyết của đốt sống trên và dưới hợp thành lỗ gian đốt (*foramen intervertebrale*) để cho các dây thần kinh sống chui qua.

Phần sau là mảnh nối từ cuống đến gai đốt sống tạo nên thành sau của lỗ đốt sống.

1.2.3. Các mỏm đốt sống

Mỗi đốt sống có 3 loại mỏm:

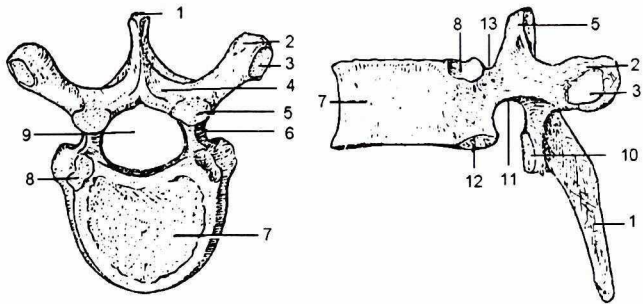
- Mỏm ngang (*processus transversus*): có 2 mỏm ngang từ cung đốt sống chạy ngang ra 2 bên.

- Mỏm gai (*processus spinosus*): có 1 mỏm gai hay gai sống ở sau dính vào cung đốt sống.

- Mỏm khớp (*processus articularis*): có 4 mỏm khớp, hai mỏm khớp trên và 2 mỏm khớp dưới, nằm ở điểm nối giữa cuống, mỏm ngang và mảnh (*các mỏm khớp sẽ khớp với các mỏm khớp trên và dưới nó*).

1.2.4. Lỗ đốt sống (*foramen vertebrale*)

Lỗ nằm giữa thân đốt sống ở trước và cung đốt sống ở sau. Các lỗ của các đốt sống khi chồng lên nhau tạo nên ống sống. Trong ống sống chứa tủy sống.



Hình 1.2. Đốt sống ngực (A. nhìn phía trên; B. nhìn phía bên)

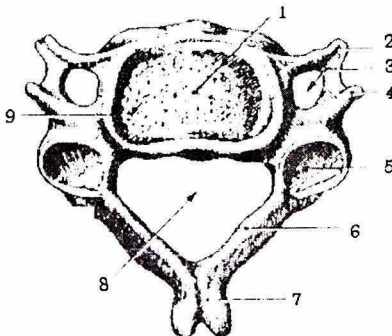
- | | | |
|--------------------------|---------------------------------|--|
| 1. Mỏm gai | 6. Củong cung sống | 10. Mỏm khớp dưới |
| 2. Mỏm ngang | 7. Thân đốt sống | 11. Khuyết sống dưới |
| 3. Diện khớp với củ sườn | 8. Diện khớp với chỏm sườn trên | 12. Diện khớp với chỏm xương sườn dưới |
| 4. Mảnh cung sống | 9. Lỗ đốt sống | 13. Khuyết sống trên |
| 5. Mỏm khớp trên | | |

1.3. Đặc điểm riêng của từng loại đốt sống

1.3.1. Đoạn sống cổ

a) Đặc điểm chung của các đốt sống cổ

- Thân đốt sống: đường kính ngang dài hơn đường kính trước sau.
- Củong đốt sống: không dính vào mặt sau mà dính vào phần sau của mặt bên thân đốt sống.
- Mảnh: rộng bề ngang hơn bề cao.
- Mỏm ngang: dính vào thân và củong bởi 2 rễ, do đó giới hạn lên 1 lỗ gọi là lỗ mỏm ngang cho động mạch đốt sống chui qua.
- Mỏm gai: đỉnh mỏm gai tách đôi.
- Lỗ đốt sống: to hơn các đốt khác.



Hình 1.3. Đốt sống cổ

- | |
|-----------------------|
| 1. Thân đốt sống cổ |
| 2. Củ trước mỏm ngang |
| 3. Lỗ mỏm ngang |
| 4. Củ sau mỏm ngang |
| 5. Mỏm khớp trên |
| 6. Mảnh đốt sống |
| 7. Mỏm gai |
| 8. Lỗ đốt sống |
| 9. Móc thân đốt sống |

b) Đặc điểm riêng

- Đốt sống cổ I (*atlas*): còn gọi là đốt đội. Không có mỏm gai và thân đốt sống. Chỉ có 2 cung trước và sau. Mặt sau cung trước có diện khớp với mỏm răng đốt sống cổ 2. Hai khối bên, mặt trên lõm tiếp khớp với lõi cầu xương chẩm, mặt dưới tròn tiếp khớp với đốt cổ II.

- Đốt sống cổ II (*đốt trục*): có 2 cung, trên cung trước có mỏm răng (*Apex dentis*) cao 1,5 cm. Có tác dụng làm cho đốt đội quay theo 1 trục đứng thẳng.

- Đốt sống cổ VI: ở trước mỏm ngang có 1 mấu xương gọi là củ cảnh (*củ Chassaignac*), là mốc quan trọng để tìm động mạch cảnh chung, động mạch giáp dưới, động mạch đốt sống. Nó còn là nơi định ranh giới giữa hầu và thực quản, giữa thanh quản và khí quản.

- Đốt sống cổ VII: có mỏm gai dài nhất, lồi về phía sau, nhất là khi ta cúi đầu. Nên còn gọi là đốt lồi. Đốt C_{VII} không có lỗ mỏm ngang.

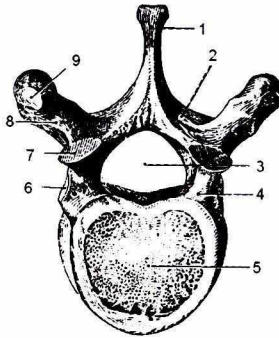
1.3.2. Đoạn sống ngực

a) Đặc điểm chung của các đốt sống ngực

- Thân đốt sống dày hơn thân các đốt sống cổ, đường kính ngang gần bằng đường kính trước sau. Ở mặt bên thân đốt có 4 diện khớp, hai ở trên, hai ở dưới để tiếp khớp với chỏm của xương sườn (*mỗi chỏm sườn tiếp khớp với diện trên và dưới*).

- Mỏm gai to chúc xuống dưới, chồng lên nhau giống như lợp ngôi nhà.

- Mỏm ngang có diện khớp với lõi củ sườn.



1. Mỏm gai
2. Mảnh đốt sống
3. Lõi đốt sống
4. Cứng đốt sống
5. Thân đốt sống
6. Diện khớp chỏm sườn
7. Diện khớp trên
8. Mỏm ngang
9. Diện khớp củ sườn

Hình 1.4. Đốt sống ngực

b) Đặc điểm riêng của các đốt sống ngực

- Đốt sống ngực I: diện khớp sườn trên tiếp khớp với toàn bộ chỏm xương sườn một. Diện khớp sườn dưới tiếp khớp với nửa chỏm xương sườn II.

- Đốt sống ngực X: không có diện khớp sườn dưới.

- Đốt sống ngực XI và XII: các diện khớp sườn với toàn bộ chỏm xương sườn tương ứng.